

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 611/2020/DS - PT

Ngày: 30.6.2020

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy di chúc*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: Bà Đặng Huyền Phương

Ông Trịnh Đắc Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 03 năm 2020 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy di chúc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1078/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1949/2020/QĐ - PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, Quyết định số 5037/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6741/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1951; nơi cư trú số 204A đường A, tổ 10, ấp 1, xã L, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Quang R – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Quốc T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Sơn Y, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 100/2 đường S, phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Văn I, sinh năm 1953, chết năm 2011.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn I:

1.1. Bà Hồ Thanh O, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

1.2. Ông Hồ Thanh P, sinh năm 1980 (có mặt).

1.3. Bà Võ Kim A, sinh năm 1954 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 47/9K ấp 3, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1977, chết ngày 5/7/2019.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

1.4.1. Bà Lý Mỹ D, sinh năm 1978.

1.4.2. Trẻ Hồ Thanh G, sinh năm 2014, có bà Lý Mỹ D là đại diện theo pháp luật.

1.4.3. Trẻ Hồ Thanh H, sinh năm 2010, có bà Lý Mỹ D là đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: Số 105/51 đường D, phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Bà D có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Hồ Thị K, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 26/3 đường F, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 74/27 đường G, phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số 15/2N đường H, tổ 17, ấp 1, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số 337/2 đường J, phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Hồ Thị V, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 358 tổ 8, ấp P, xã H, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Chế Phụng B, sinh năm 1974 (có mặt).

8. Ông Hồ Gia N, sinh năm 2000 (có mặt).

9. Ông Hồ Tuấn M, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Văn phòng công chứng Đ.

Trưởng văn phòng: Bà Lý Thị Như Đ.

Địa chỉ: Số 1/4 đường K, thị trấn U, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 72/3B ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của các ông, bà: Hồ Văn Q, Hồ Thị K, Hồ Văn L, Hồ Thị X, Hồ Văn C, Hồ Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Hồ Văn Q trình bày:

Ông là con của bà Trương Thị Đ (sinh năm 1931, mất năm 2017) và ông Hồ Văn B (sinh năm 1919, mất năm 1996); bà Trương Thị Đ và ông Hồ Văn B khi còn sống có 08 người con Hồ Văn Q, Hồ Văn I, Hồ Thị K, Hồ Văn L, Hồ Thị X, Hồ Văn Quá, Hồ Thị V, Hồ Sơn Y.

Sau khi ba ông Q mất, bà Trương Thị Đ có tạo lập được tài sản riêng là nhà đất tại địa chỉ số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 180,4m² trên đất có nhà diện tích 138,6m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 2379/2004 ngày 15/11/2004, sau đó bị mất và đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số CE 157560 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00562 ngày 23/11/2016. Ngày 03/11/2008, bà Trương Thị Đ có lập di chúc để lại toàn bộ di sản trên cho ông Hồ Sơn Y, tuy nhiên ngày 29/6/2010 bà Trương Thị Đ đã hủy di chúc do bà Trương Thị Đ lập ngày 03/11/2008. Ngày 12/3/2017 bà Trương Thị Đ mất mà không lập thêm di chúc nào, do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế của bà Trương Thị Đ theo pháp luật. Di sản đã được Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, ông đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá Tòa án đã thu thập được.

Quá trình giải quyết vụ án ông Q được biết bà Trương Thị Đ có lập di chúc ngày 30/10/2015, ông xác định bà Trương Thị Đ đã không còn minh mẫn thời điểm lập di chúc nhưng biết chữ vẫn ký tên lẫn tay được, do ông Y lừa bà Trương Thị Đ đến Văn phòng công chứng để ký giấy nội dung là không cho các anh chị em bán nhà đất, bà Trương Thị Đ không biết đó là di chúc nên mới đồng ý đi theo và ký tên.

Ông cung cấp chứng cứ là bản tường trình lời trình bày của ông Trương Văn L là tổ trưởng xác định tại thời điểm lập di chúc bà Trương Thị Đ không còn minh mẫn vào thời gian năm 2015 thể hiện ở việc hay nhớ trước quên sau, không nhớ ngày đi lãnh tiền trợ cấp. Ông xác định trước khi bà Trương Thị Đ mất có nằm liệt giường mấy ngày và mất, trước kia thì không bệnh liệt giường, chỉ bị các chứng bệnh như cao huyết áp, thoái hóa khớp..., nhưng ông không cung cấp được các giấy tờ bệnh án do đã bị ông Y giữ và lạc mất.

Tại tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy di chúc ngày 30/10/2015 của bà Trương Thị Đ, phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ông yêu cầu được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn Q - Luật sư Trần Quang R trình bày:

Di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 không hợp pháp là do thời điểm lập di chúc bà Trương Thị Đ đang mang nhiều chứng bệnh nặng, sức khỏe yếu như cao huyết áp, suy nhược cơ thể, thoái hóa cột sống, viêm nhiễm siêu vi theo hồ sơ bệnh án Luật sư Nguyễn Thanh N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q được xem tại Bệnh viện C, ông Q không có tài liệu chứng cứ để cung cấp.

Trung tâm Y tế dự phòng huyện C không có chức năng khám chữa bệnh, do vậy giấy khám sức khỏe của bà Trương Thị Đ do Trung tâm Y tế dự phòng huyện C cấp không có giá trị pháp lý để công chứng di chúc và Văn phòng công chứng không yêu cầu bà Trương Thị Đ kiểm tra sức khỏe lại khi có nghi ngờ người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức được và làm chủ được hành vi của mình là vi phạm Điều 56 Luật Công chứng.

Tại thời điểm công chứng bà Trương Thị Đ không xuất trình được bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, Văn phòng công chứng di chúc dựa trên hồ sơ là bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện

C cấp ngày 15/11/2004 đã bị mất và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp lại. Như vậy tại thời điểm công chứng dựa trên hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận và đơn có mất là không đúng quy định pháp luật về đất đai và vi phạm trình tự thủ tục công chứng tại Điều 41 Luật Công chứng do các giấy tờ nêu trên không có giá trị thay thế giấy chứng nhận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp về mặt chủ thể lập di chúc và mặt nội dung di chúc.

Ngoài ra ông Y do nợ nần nên phải kêu bán nhà nhưng đã bị bà Trương Thị Đ và các anh chị em khác ngăn chặn nên đã bỏ nhà đi nơi khác một thời gian để lánh nợ. Ông Y đã đuổi bà V ra khỏi nhà và bà V hiện đang phải ở trọ, bà X và bà K hiện cũng ở trọ, do đó bà Trương Thị Đ không thể lập di chúc để lại căn nhà duy nhất cho ông Y trong khi các con khác không có nhà để ở.

Từ các phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 là trái pháp luật và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật, nguyên đơn được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

2. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A trình bày:

Ông P, bà O, bà A thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng di sản do bà Trương Thị Đ để lại. Tuy nhiên về các chứng cứ ông Q cung cấp, do là cháu nên ông P không nắm rõ các tình tiết trong vụ án về việc bà Trương Thị Đ bị bệnh, do đó ông P không có thêm ý kiến gì.

Ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A yêu cầu hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật, ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

3. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Hồ Thị K trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp. Trước đây bà có phụ

ông Y chăm sóc bà Trương Thị Đ tuy nhiên đến cuối năm 2016 khi ông Y đuổi đánh bà dẫn đến rạn gãy xương sườn nên bà không trực tiếp chăm sóc bà Trương Thị Đ, bà chỉ qua thăm bà Trương Thị Đ và nhận thấy bà Trương Thị Đ lúc nhớ lúc quên và không còn minh mẫn. Đến năm 2017 bà Trương Thị Đ bệnh nặng và mất. Hiện bà ở trọ bên ngoài cùng chồng con, và còn đi làm.

Đề nghị Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015, chia thừa kế theo pháp luật, bà Trương Thị Đ hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

4. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Hồ Văn L trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp. Ông không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc bà Trương Thị Đ, nhưng có đến thăm bà Trương Thị Đ và có cho tiền bà Trương Thị Đ chữa bệnh. Những khi đến thăm bà Trương Thị Đ ông nhận thấy bà Trương Thị Đ không minh mẫn do hay quên. Ông xác định bà Trương Thị Đ bệnh nằm liệt giường vào năm 2017 trước khi mất.

Đề nghị Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015, chia thừa kế theo pháp luật, ông được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

5. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Hồ Thị X trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp. Bà không trực tiếp chăm sóc bà Trương Thị Đ, bà có thăm bà Trương Thị Đ khi bà Trương Thị Đ bệnh và xác định bà Trương Thị Đ không bị ốm liệt giường trước khi mất. Những khi đến thăm bà Trương Thị Đ bà nhận thấy bà Trương Thị Đ không minh mẫn do hay quên. Hiện bà ở trọ bên ngoài cùng chồng con, và còn đi làm.

Đề nghị Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015, chia thừa kế theo pháp luật, bà Trương Thị Đ hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

6. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Hồ Văn C trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp. Ông không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc bà Trương Thị Đ, nhưng có đến thăm bà Trương Thị Đ và có cho tiền bà Trương Thị Đ chữa bệnh. Những khi đến thăm bà Trương Thị Đ ông nhận thấy bà Trương Thị Đ không minh mẫn do hay quên. Bà Trương Thị Đ ốm nặng và mất vào năm 2017. Trước đây bà Trương Thị Đ bị nhiều bệnh nhưng không nằm liệt giường.

Đề nghị Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015, chia thừa kế theo pháp luật, ông được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

7. Theo đơn yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà Hồ Thị V trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp.

Trước đây khi bà Trương Thị Đ mua nhà đất bà có về ở chung nhưng sau đó có xích mích nên bà đã dọn ra ngoài sống, khi bà ra ngoài sống mẹ bà còn minh mẫn, một thời gian sau bà Trương Thị Đ có kêu bà về ở lại nhưng do con bà đi học ở huyện X nên bà không thể về ở chung chăm sóc mẹ được nhưng bà thường xuyên về thăm mẹ. Bà xác định trước khi bà Trương Thị Đ mất năm 2017 bị bệnh liệt giường. Hiện bà ở trọ bên ngoài cùng chồng con, bà ở nhà nội trợ còn chồng đi làm, bà không có giấy tờ khám bệnh thể hiện không có khả năng lao động.

Đề nghị Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015, chia thừa kế theo pháp luật, bà Trương Thị Đ hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

8. Theo bản tự khai bà Lý Mỹ D là vợ ông Hồ Thanh S trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Hồ Văn Q về nguồn gốc đất cũng như quá trình sử dụng, các chứng cứ ông Q cung cấp.

Bà là vợ của ông S, hiện ông S đã chết, bà không tiếp tục yêu cầu khởi kiện của ông S, đồng thời bà D là người đại diện theo pháp luật của trẻ H và trẻ G, bà D từ chối không tiếp tục yêu cầu khởi kiện của ông S và để cho bà O, ông P toàn quyền quyết định, bà xin không tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

9. Người đại diện hợp pháp của ông Y - ông Tạ Minh T trình bày:

Thửa đất số 547, tờ bản đồ số 22 và căn nhà trên đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO0562 được UBND huyện C cấp ngày 23/11/2016 đứng tên bà Trương Thị Đ là tài sản riêng của bà Trương Thị Đ. Bà Trương Thị Đ là chủ sở hữu tài sản trên, không bị tranh chấp, kê biên, thế chấp, tặng cho, chuyển nhượng.....cho bất cứ ai.

Ngày 30/10/2015, bà Trương Thị Đ lập Di chúc số 012987, quyển số 13/2015/TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2015 tại Văn phòng công chứng Đ để lại cho ông Hồ Sơn Y toàn bộ nhà và đất trên. Đến thời điểm này, đây là bản di chúc duy nhất thể hiện ý chí của bà Trương Thị Đ. Đến nay, bản di chúc số 012987 không bị hủy bỏ và cũng không có bất kỳ một bản di chúc nào khác thay thế, do đó về nguyên tắc phải tôn trọng ý chí của bà Trương Thị Đ.

Khoản 1 Điều 630 Bộ luật Dân sự 2015 quy định Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sang suốt trong khi lập di chúc, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép;

b) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.

Căn cứ quy định trên, đối chiếu hồ sơ lập di chúc của bà Trương Thị Đ cho thấy bà Trương Thị Đ lập di chúc trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, không bị hạn chế về nhận thức và cũng không ai ép buộc. Hồ sơ lập di chúc còn lưu tại Văn phòng công chứng Đ có cả Giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế dự phòng huyện C cấp ngày 30/10/2015. Lý do khám sức khỏe ghi: “Di chúc”. Mặc dù pháp luật không buộc phải có giấy khám sức khỏe.

Mặt khác, khi bà Trương Thị Đ yêu cầu Văn phòng công chứng Đ thực hiện việc lập di chúc bản thân bà Trương Thị Đ không tự đi một mình mà bà Trương Thị Đ có mời bà Nguyễn Thị E làm chứng cho việc lập di chúc đó. Bà E và ông Hồ Văn Q có mối quan hệ sui gia nên khi bà E làm chứng cho bà Trương Thị Đ lập di chúc để lại phần di sản này cho ông Hồ Sơn Y là hoàn toàn khách quan. Từ những trình bày trên cho thấy Di chúc bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 để lại toàn bộ di sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO0562 được UBND huyện C cấp ngày 23/11/2016 phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Ông Y đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc hủy di chúc của bà Trương Thị Đ và chia di sản trên theo pháp luật.

10. Bà Chế Phụng B, ông Hồ Gia N, ông Hồ Tuấn M trình bày:

Bà B, ông N và ông M cùng ông Y là những người đang trực tiếp quản lý sử dụng và sinh sống tại nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà B, ông M và thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông Trình đã trình bày.

Ngoài ra tại tòa, bà B và ông N trình bày bà B và ông N là người trực tiếp chăm sóc khi bà Trương Thị Đ bị bệnh và sinh sống cùng bà Trương Thị Đ từ khi bà Trương Thị Đ mua nhà năm 2007 đến khi bà Trương Thị Đ qua đời, bà B biết rõ bà Trương Thị Đ bị các chứng bệnh gì, rõ nhất là bà Trương Thị Đ bị hở van tim... và các bệnh khác tuy nhiên không ảnh hưởng đến thần kinh và trí nhớ, bà Trương Thị Đ rất minh mẫn thời điểm trước khi mất, không bị bệnh phải nằm liệt giường.

11. Bà Lý Thị Như Đ đại diện Văn phòng công chứng Đ có bản tự khai trình bày:

Các giấy tờ người yêu cầu công chứng cung cấp phù hợp quy định tại điều 40, Điều 41 Luật Công chứng.

Năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 (thời điểm công chứng) bà Trương Thị Đ hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, sáng suốt, hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, lừa dối, cưỡng ép, bà Trương Thị Đ đã xác nhận đồng ý toàn bộ nội dung di chúc, không sửa đổi thêm bớt điều gì và đã điểm chỉ vào Di chúc trước mặt Công chứng viên.

Về ý chí của bà Trương Thị Đ độc thân, vì vậy bà Trương Thị Đ có toàn quyền quyết định, định đoạt đối với thửa đất và nhà tại địa chỉ số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Y sau khi bà Trương Thị Đ chết là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái quy định của luật.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 118 Luật Nhà ở và khoản 1 Điều 168 Luật đất đai thì nhận thừa kế nhà ở là giao dịch về nhà ở không bắt buộc phải có giấy chứng nhận. Do đó việc người yêu cầu công chứng không cung cấp được bản chính Giấy chứng nhận không sai quy định của pháp luật về đất đai và về nhà ở.

Văn phòng Công chứng khẳng định bản di chúc chứng nhận số 012987 ngày 30/10/2015 là đúng theo quy định của pháp luật về dân sự, nhà ở, đất đai, công

chứng, nội dung bản di chúc ghi chép đúng ý chí nguyện vọng của bà Trương Thị Đ, nên yêu cầu Tòa án xem xét giữ nguyên bản di chúc được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1078/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn Q yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật ông Hồ Văn Q được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật, bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C mỗi người được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật, ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0017609 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Hồ Thị K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018514 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Hồ Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018517 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông L phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Bà Hồ Thị X phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003609 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà X phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Bà Hồ Thị V phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018515 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà V phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Ông Hồ Văn C phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018516 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông C phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003608 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng (Ông P và bà O mỗi người phải nộp thêm số tiền là 4.204.567 đồng, riêng bà A sẽ được xem xét miễn nộp tiền án phí nếu có đơn xin miễn án phí theo quy định).

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 13/12/2019, các ông, bà: Hồ Văn Q, Hồ Thị K, Hồ Văn L, Hồ Thị X, Hồ Thị V, Hồ Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Hồ Văn Q trình bày: Cha mẹ ông là Hồ Văn B (sinh năm 1919, mất năm 1996) và Trương Thị Đ (sinh năm 1931, mất năm 2017) chung sống với nhau có 08 người con gồm: Hồ Văn Q, Hồ Văn I, Hồ Thị K, Hồ Văn L, Hồ Thị X, Hồ Văn C, Hồ Thị V, Hồ Sơn Y. Mẹ ông có tạo lập được tài sản riêng là nhà đất tại địa chỉ 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 2379/2004 ngày 15/11/2004, sau đó bị mất và đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00562 ngày 23/11/2016. Ngày 30/11/2017, ông có đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ ông mất để lại là nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là ông Hồ Sơn Y có đưa ra bản di chúc của mẹ ông lập vào ngày 30/10/2015. Đối với bản di chúc này, theo ông là không hợp pháp, bởi vì thời điểm lập di chúc, mẹ ông đã 84 tuổi, lại bị nhiều bệnh nên không thể còn minh mẫn để lập di chúc; Ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mẹ ông không minh mẫn nhưng trong quá trình sống chung ông có biết tình trạng của mẹ ông là như vậy. Ngoài ra, tại thời điểm lập di chúc mẹ ông không có bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nhưng văn phòng công chứng vẫn chứng nhận bản di chúc đó là không đúng. Do đó, ông kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm, hủy di chúc ngày 30/10/2015, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cho ông được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương

ứng với số tiền là 302.274.000 đồng. Đối với các chi phí thuốc men, ma chay lo cho mẹ ông tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, ông không có yêu cầu gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu tranh luận: Án sơ thẩm áp dụng sai pháp luật, về nguyên tắc giao dịch dân sự diễn ra thời điểm nào thì áp dụng pháp luật thời điểm đó. Vì vậy, để đánh giá di chúc do bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 có giá trị pháp lý hay không thì phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, án sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể viện dẫn khoản 1 Điều 630, Điều 636 là không đúng; Về hình thức di chúc: việc bị đơn đưa bà Trương Thị Đ đến khám sức khỏe tại Trung tâm Y tế dự phòng huyện C mà Trung tâm này không có chức năng khám chữa bệnh. Do đó, giấy khám sức khỏe mà bà Trương Thị Đ cung cấp cho Văn phòng công chứng Đ khi lập di chúc là không có giá trị pháp lý. Vì vậy, tại thời điểm công chứng di chúc, không có chứng cứ, tài liệu nào xác nhận bà Trương Thị Đ minh mẫn, sáng suốt nên di chúc bà Trương Thị Đ lập chưa đủ điều kiện của di chúc hợp pháp; Tại thời điểm lập di chúc, bà Trương Thị Đ không xuất trình được bản chính Giấy chứng nhận. Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất từ ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần X chuyển nhượng cho bà Trương Thị Đ không có giá trị để chứng minh là bà Trương Thị Đ vẫn là chủ sở hữu. Đơn có mất giấy chứng nhận của bà Trương Thị Đ không có giá trị để chứng minh là bà Trương Thị Đ vẫn là chủ sở hữu căn nhà. Các giấy tờ bà Trương Thị Đ cung cấp cho Văn phòng công chứng Đ chỉ được coi là hợp pháp khi có bản chính để đối chiếu. Do đó, việc Văn phòng công chứng Đ công chứng di chúc khi bà Trương Thị Đ không cung cấp bản chính giấy chứng nhận là vi phạm Điều 41 Luật Công chứng năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm: tuyên di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 là trái pháp luật và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xin chia thừa kế theo pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Hồ Thị K, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn C cùng thống nhất trình bày: Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của ông Q về quan hệ nhân thân cũng như về nguồn gốc tài sản là nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Các ông, bà cùng thống nhất với yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông Q. Các ông, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận theo đơn kháng cáo của các ông, bà là sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, mỗi người được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng. Đối với các chi phí thuốc men, ma chay lo cho mẹ tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, các ông, bà không có yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Văn U là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Sơn Y trình bày: Theo di chúc ngày 30/10/2015 được lập tại Văn phòng công chứng Đ thì bà Trương Thị Đ đã để lại tài sản là nhà đất cho ông Hồ Sơn Y. Theo quy định của pháp luật không phải khám sức khỏe khi lập di chúc nhưng việc đi khám là theo yêu cầu của bà Trương Thị Đ. Phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng tại thời điểm lập di chúc, bà Trương Thị Đ không

minh mắt, sáng suốt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho trình bày của mình. Đây là di chúc hợp pháp cả về hình thức và nội dung, thể hiện ý chí của bà Trương Thị Đ trong việc định đoạt tài sản của mình. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn cùng các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Hồ Thanh P không trình bày ý kiến.

Bà Chế Phụng B trình bày: Bà thống nhất với trình bày của đại diện ông Y. Nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do vợ chồng bà cùng hai con đang quản lý, sử dụng. Đối với các chi phí thuốc men, ma chay lo cho bà Trương Thị Đ bà không có yêu cầu gì.

Ông Hồ Gia N thống nhất với trình bày của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Tòa sơ thẩm thụ lý ban đầu là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, trong giai đoạn giải quyết vụ án thì phát sinh yêu cầu hủy di chúc thể hiện từ biên bản hòa giải ngày 27/9/2019. Bản án sơ thẩm quyết định: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Q yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật...” nhưng hồ sơ vụ án không thể hiện có thụ lý bổ sung yêu cầu này, Tòa vẫn giải quyết không chấp nhận là có thiếu sót. Tuy nhiên yêu cầu hủy di chúc và yêu cầu chia thừa kế cùng một tài sản. Như vậy, phải xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế” theo quy định tại Khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Xét bản di chúc số 012987, quyển số 13/2015/TP/VPCC-SCC/HĐGD do bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 tại Văn phòng công chứng Đ với nội dung bà Trương Thị Đ để lại: “ thừa đất số 90, tờ bản đồ số 9 – TX và căn nhà số Số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu hợp pháp của bà Trương Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 2379/2004 ngày 15/11/2004, sau đó bị mất và được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00562 ngày 23/11/2016. Nguyên đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc bà Trương Thị Đ đã không còn minh mắt, bị các bệnh viêm phổi, tăng huyết áp, thoái hóa cột sống và suy nhược cơ thể nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh, không có kết luận giám định nào thể hiện khi lập di chúc, bà Trương Thị Đ không minh mắt, sáng suốt cũng như các căn bệnh trên của bà Trương Thị Đ ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bà Trương Thị Đ. Hồ sơ yêu cầu công chứng của bà Trương Thị Đ không vi phạm Luật công chứng năm 2014, không thuộc trường hợp phải có giấy khám sức khỏe, phải yêu cầu giám định. Như vậy, di chúc do bà Trương Thị Đ lập tại Văn phòng công chứng Đ là hợp pháp, nội dung

di chúc thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng của bà Trương Thị Đ nên yêu cầu Tòa án hủy di chúc để chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Về phần án phí: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Thanh S (1977-2019), vợ ông S là Lý Mỹ D và các con ông S là ông Hồ Thanh G và Hồ Thanh H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S từ chối không tiếp tục yêu cầu khởi kiện của ông S nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng không giải quyết phần tạm ứng án phí mà ông S đã nộp (2.500.000 đồng) là có thiếu sót. Đề nghị bổ sung phần giải quyết án phí này theo quy định.

Đối với yêu cầu phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xét xử vụ án thay vì áp dụng Bộ luật dân sự 2015 như Tòa sơ thẩm đã tuyên: nhận thấy quy định về chia thừa kế của Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 đều cùng nội dung như nhau, do đó căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 xét xử vụ án là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 1078/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử và ban hành bản án số 1078/2019/DS-ST. Ngày 13/12/2019, ông Hồ Văn Q, bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A, ông Hồ Tuấn M, bà Lý Mỹ D, bà Lý Thị Như Đ - Trưởng Văn phòng công chứng Đ, có đơn xét xử vắng mặt. Đối với bà Nguyễn Thị E vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế. Đối với bản di chúc ngày 30/10/2015 tất cả không đồng ý và đề nghị hủy di chúc nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy di chúc*” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Trương Thị Đ chết ngày 12/03/2017, ngày 30 tháng 11 năm 2017, ông Hồ Văn Q (con của bà Trương Thị Đ) khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trương Thị Đ là căn nhà số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế

của bà Trương Thị Đ vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về di sản thừa kế: Căn cứ Công văn số 2318/VPĐK ngày 18/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai C về việc phúc đáp Công văn số 187/TAHHM ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C thì: Đất, nhà đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2379/2004 ngày 15/11/2004 cấp cho ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần X. Năm 2007, ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần X chuyển nhượng cho bà Trương Thị Đ và được cập nhật biến động ngày 9/11/2007.

Năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 6477/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở và cấp lại giấy chứng nhận. Lý do: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2379/2004 ngày 15/11/2004 bị mất; đồng thời Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận số CH00562 ngày 23/11/2016 cho bà Trương Thị Đ.

Về thông tin nhà, đất: Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2379/2004 do UBND huyện C cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần X thì nhà ở là: 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; đất ở là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 9-TX, tuy nhiên Giấy chứng nhận này đã bị hủy theo Quyết định số 6477/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C; Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện C cấp ngày 23/11/2016 thì thông tin thửa đất là: thửa đất số 547, tờ bản đồ số 22 và nhà ở là 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng thừa nhận toàn bộ diện tích nhà, đất tại địa chỉ số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cá nhân bà Trương Thị Đ để lại.

[2.4] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất bà Trương Thị Đ có tất cả 8 người con gồm: ông Hồ Văn Q, ông Hồ Văn I, bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C, ông Hồ Sơn Y; ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị Đ là các ông bà Hồ Văn I, Hồ Thị K, Hồ Văn L, Hồ Thị X, Hồ Thị V, Hồ Văn C, Hồ Sơn Y.

Ông Hồ Văn I chết năm 2011, theo Điều 652 Bộ luật dân sự 2015 thì những người thừa kế thế vị là Hồ Thanh O, Hồ Thanh P, Hồ Thanh S; bà Võ Kim A là vợ của ông I kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông I. Ông S chết, vợ là Lý Mỹ D và các con Hồ Thanh G, Hồ Thanh H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S; bà D đồng thời là người đại diện theo pháp luật của 2 con từ chối không tiếp tục yêu cầu độc lập của ông S nên cấp sơ thẩm không xem xét.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

[3.1] Vào ngày 30 tháng 10 năm 2015, tại Văn phòng công chứng Đ, bà Trương Thị Đ có lập di chúc để lại tài sản là nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện

C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Hồ Sơn Y được thừa hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của bà Trương Thị Đ.

Thời điểm lập di chúc: Di chúc được lập vào ngày 30/10/2015, thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Tuy nhiên, các quy định về chia thừa kế tại Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như Bộ luật dân sự năm 2015 đều cùng nội dung như nhau nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 để xét xử vụ án là phù hợp.

[3.2] Xét, về hình thức di chúc: Điều kiện để di chúc hợp pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự:

1. Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

b) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.

Và tại khoản 3 Điều 630 Bộ luật dân sự quy định: Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.

Về thủ tục lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, Điều 636 BLDS quy định:

Việc lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã phải tuân theo thủ tục sau đây....

2. Trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng.

[3.3] Đối chiếu theo quy định của pháp luật thì: Di chúc số công chứng 012987 quyền số 13/2015/TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 30 tháng 10 năm 2015 được lập thành văn bản có công chứng tại Văn phòng công chứng, có người làm chứng nên phù hợp theo quy định pháp luật tại các Điều 627, 628 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Di chúc ngày 30/10/2015 bà Trương Thị Đ lập khi không còn minh mẫn vì thời điểm đó bà Trương Thị Đ thường xuyên phải đi viện vì sức khỏe yếu, bị các bệnh viêm phổi, tăng huyết áp, suy nhược cơ thể nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh bà Trương Thị Đ không minh mẫn tại thời điểm lập di chúc.

Tại thời điểm công chứng, bà Trương Thị Đ đã cung cấp các giấy tờ yêu cầu công chứng, trong đó có giấy khám sức khỏe; lý do khám sức khỏe: Di chúc. Về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng, theo trình bày của Văn phòng công chứng, tại thời điểm lập di chúc, bà Trương Thị Đ hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt (có giấy khám sức khỏe). Như vậy, tại thời điểm lập di chúc, không có kết luận giám định nào thể hiện khi lập di chúc, bà Trương Thị Đ không minh mẫn, sáng suốt cũng như các căn bệnh trên của bà Trương Thị Đ ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bà Trương Thị Đ; giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế dự phòng huyện C không phải là một trong những lý do để cho rằng di chúc không có giá trị như trình bày của các đương sự cũng như của Luật sư. Do đó, ngày 30/10/2015, bà Trương Thị Đ lập di chúc là phù hợp với quy định pháp luật về việc thực hiện quyền định đoạt tài sản của mình quy định tại Điều 624, 630 Bộ luật dân sự năm 2015.

Di chúc được chứng thực đúng quy định, do đó hình thức di chúc không trái quy định của luật như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Xét, lý do xin hủy di chúc vì tại thời điểm lập di chúc chưa có bản gốc Giấy chứng nhận:

[4.1] Nhận thấy: bà Trương Thị Đ có tài sản là nhà đất số 28/4Đ, ấp 2, xã O, huyện C, quyền sở hữu của bà Trương Thị Đ đã được cập nhật biến động ngày 9/11/2007 trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2379/2004 ngày 15/11/2004. Năm 2010, bà Trương Thị Đ có làm đơn có mất giấy chứng nhận quyền sở hữu, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã O. Vụ việc mất giấy chứng nhận, theo các tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp, thể hiện: Ngày 11/4/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C niêm yết công khai mất giấy chứng nhận của bà Trương Thị Đ; Ngày 4/7/2014, Ủy ban nhân dân xã O có báo cáo số 178/BC-UBND về kết quả niêm yết công khai mất giấy chứng nhận của bà Trương Thị Đ từ ngày 5/5/2012 đến ngày 6/6/2014 chưa nhận được thông tin tranh chấp, khiếu nại nào. Ngày 30/10/2015, bà Trương Thị Đ lập di chúc tại Văn phòng công chứng Đ, để lại toàn bộ tài sản cho ông Hồ Sơn Y. Trong di chúc có nêu: ...Trường hợp đến khi bà Trương Thị Đ qua đời mà vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với thửa đất và căn nhà trên thì ông Hồ Sơn Y có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận.

[4.2] Như vậy, tại thời điểm bà Trương Thị Đ lập di chúc khi không có bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu là do bà Trương Thị Đ làm mất, nhưng trên thực tế tài sản đó là của bà Trương Thị Đ; Tại thời điểm lập di chúc, bà Trương Thị Đ đang trong quá trình xin cấp lại Giấy chứng nhận và thực tế năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện C có quyết định số 6477/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, cấp lại Giấy chứng nhận số CH00562 ngày 23/11/2016 cho bà Trương Thị Đ.

[4.3] Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 118 Luật nhà ở năm 2014: Giao dịch về nhà ở không bắt buộc phải có giấy chứng nhận: Nhận thừa kế nhà ở. Do đó, việc bà Trương Thị Đ yêu cầu công chứng nhưng không cung cấp được bản

chính Giấy chứng nhận là không sai; Theo quy định tại Điều 168, 188 Luật đất đai năm 2013 thì điều kiện để người sử dụng đất được thực hiện các quyền là khi có Giấy chứng nhận. Bà Trương Thị Đ đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu hợp pháp nhà đất nêu trên. Tại thời điểm lập di chúc, bà Trương Thị Đ chưa cung cấp được bản chính giấy chứng nhận là do bị mất và đang trong quá trình xin cấp lại giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C; việc này hoàn toàn khác với việc không có Giấy chứng nhận.

[4.4] Do đó, di chúc ngày 30/10/2015 được lập tại Văn phòng công chứng là đúng theo quy định của pháp luật về dân sự, nhà ở, đất đai, công chứng, nội dung di chúc đúng ý chí, nguyện vọng của bà Trương Thị Đ. Những người thừa kế của bà Trương Thị Đ không thuộc trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đây là di chúc hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà K, bà V, bà Lý, ông L, ông C không có căn cứ nên không chấp nhận; Không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lý Mỹ D là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Thanh S từ chối không tiếp tục yêu cầu chia thừa kế của ông S, cấp sơ thẩm nhận định không xem xét là có cơ sở nhưng không hoàn trả lại án phí tạm nộp cho ông S có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Lý Mỹ D, là có thiếu sót, cần sửa lại phần này cho phù hợp.

[5.2] Án phí phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại án phí tạm nộp cho đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, 613, 630, 635, 636, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 118 Luật nhà ở năm 2013; Luật Công chứng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Hồ Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị V.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 1078/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn Q yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật ông Hồ Văn Q được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật, bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị V, ông Hồ Văn C mỗi người được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà Trương Thị Đ lập ngày 30/10/2015 và chia thừa kế theo pháp luật, ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) được hưởng 1/8 giá trị nhà đất theo giá trị đã được xem xét thẩm định tại chỗ, tương ứng với số tiền là 302.274.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0017609 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Hồ Thị K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018514 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Hoàn trả cho ông Hồ Thanh S có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lý Mỹ D số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003608 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Hồ Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018517 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông L phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Bà Hồ Thị X phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003609 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Lý phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Bà Hồ Thị V phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018515 ngày 30/5/2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện C, bà V phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Ông Hồ Văn C phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0018516 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông C phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng.

- Ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A (chị ông Hồ Văn I) phải chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền 15.113.700 đồng được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003608 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông Hồ Thanh P, bà Hồ Thanh O, bà Võ Kim A phải nộp thêm số tiền án phí là 12.613.700 đồng (Ông P và bà O mỗi người phải nộp thêm số tiền là 4.204.567 đồng, riêng bà A sẽ được xem xét miễn nộp tiền án phí nếu có đơn xin miễn án phí theo quy định).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hồ Văn L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0074172 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Hồ Thị X không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn lại cho bà Lý số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0074171 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Hồ Thị V không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0074170 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Hồ Văn C không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0074173 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

